

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2020/HC-ST

Ngày: 03-7-2020

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoài Nam

2. Ông Phạm Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 48/2019/TLST-HC ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HC ngày 04/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HC ngày 11/6/2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần N, sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần N: Ông Nguyễn Đăng P, sinh năm 1950 (*Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019*). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Đăng P, sinh năm 1950 (*Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019*). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Trần X, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần X: Bà Nguyễn Thị D (*Theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020*). Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960. Có mặt.

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Diệu T, sinh năm 1989. Có mặt.

+ Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Diễm M: Chị Trần Thị Diệu T (*Theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019*). Có mặt.

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1945. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 của ông Trần N và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đăng P là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT) trước đây là của ông nội ông Trần Văn H, Trần X và Trần N tên là Trần C (S), bà nội là Nguyễn Thị S khai hoang làm nhà ở, một thời gian sau thì ông bà nội của các ông chuyển đi chỗ khác. Thửa đất này trong chiến tranh bị bỏ hoang; đến năm 1975 thống nhất đất nước, ông Trần Ng (là chú ruột của ông Trần N) khai hoang, sản xuất và làm nhà ở. Ông Trần N có vợ năm 1980 nhưng chưa có chỗ ở. Đến năm 1986, ông Trần Ng cho vợ chồng ông Trần N và bà Nguyễn Thị N làm nhà lợp tranh, vách đất ở sát với nhà ông Ng để canh tác, quản lý, sử dụng thửa đất và có nghĩa vụ chăm sóc ông Trần Ng (vì ông Ng không có vợ con). Việc ông Trần Ng cho vợ chồng ông Trần N tiếp tục canh tác, sử dụng thửa đất này chỉ cho bằng miệng, không có giấy tờ. Năm 1989 ông Trần Ng chết, vợ chồng ông N tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông N trồng bạch đàn, keo và đã thu hoạch được 03 mùa keo. Năm 2003, sau khi thu hoạch cây keo, cây bạch đàn xong, vợ chồng ông N đã thống nhất cho ông Nguyễn N và ông Trương Phước T thuê một phần diện tích thửa đất để xây lò gạch. Hiện nay, vợ chồng ông N vẫn đang trồng cây keo trên phần diện tích đất trống. Thực tế, vợ chồng ông N quản lý, sử dụng thửa đất số 05 nêu trên từ năm 1989 đến nay. Ngày 02/8/2019, ông N có đơn yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện H cung cấp thông tin thửa đất. Ngày 13/8/2019 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện H cung cấp thông tin hồ sơ địa chính thửa đất. Lúc này, ông N mới được biết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20 đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X. Việc UBND huyện Nghĩa H cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của vợ chồng ông Trần N. Nay ông Trần N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 của UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần X tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (ONT).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 của UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần X tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT).

Tại phiên tòa, ông Trần N thay đổi yêu cầu khởi kiện; ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy **một phần** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Trần X, cụ thể là tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT).

Tại Văn bản số 1709/UBND ngày 22/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện H có ý kiến:

Việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 cho hộ ông Trần X đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² là theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993. Khi thực hiện đo đạc, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap thì thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10 biến động thành thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT) được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ CH 05091 ngày 30/6/2014 theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai năm 2003.

Trên cơ sở các hồ sơ tài liệu được cung cấp, các tình tiết phát sinh cũng như các thông tin mà Tòa án thu thập được, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật. UBND huyện H sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: “*Việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành*”.

Tại Đơn xin trình bày ngày 20/9/2019, Đơn xin trình bày ý kiến ngày 10/10/2019 và bản tự khai ngày 20/12/2019; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần X, bà Nguyễn Thị D, anh Trần Văn T, chị Trần Thị Diệu T và chị Trần Thị Diễm M trình bày:

Nguyên thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² nay là thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² có nguồn gốc của ông nội ông Trần X khai hoang trồng hoa màu trước năm 1975. Sau năm 1975, chú ruột của ông Trần X là ông Trần Ng là người trực tiếp quản lý, sử dụng mảnh đất này nhưng không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, ông Trần Ng có làm một cái trại để ở vì ông Ng không có vợ con, xung quanh trại chủ yếu trồng hoa màu như lang, mì. Đến tháng 4 năm 1989, ông Ng chết thì ông Trần H là cha của ông Trần X trồng hoa màu một thời gian, sau đó bỏ hoang không ai sử dụng. Đến năm 1991, gia đình ông Trần X kê khai đất, năm 1993 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất, năm 1997 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 2700m² đất ở.

Về mặt pháp lý, gia đình ông Trần X kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nhưng thực tế gia đình ông X không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Tại thời điểm năm 1991-1993, đất này không ai sử dụng, trên đất chỉ có cây bạch đàn, mít, xoài do ông Ng trồng. Việc ông N khai ông Ng cho đất ông N, ông N chăm sóc, nuôi nấng và mai táng ông Ng là không đúng. Từ năm 2000 trở về trước, ông N không sử dụng đất này. Khoảng năm 2000 cây keo đang được khuyến khích trồng thì ông N có trồng keo trên đất này (đất bạc màu), chỉ có cây keo lai mới tồn tại và có giá. Ông N là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất trồng keo từ năm 2000 đến nay, có hỏi ý kiến bằng miệng và được gia đình ông X đồng ý cho trồng vì nghĩ tình anh em trong gia đình. Năm 2003, ông Nguyễn N, ông Trương Phước T làm đơn xin xây lò gạch trên thửa đất ghi là trên đất của ông N được UBND xã Đ xác nhận là không đúng chủ sử dụng đất. Vì đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X. Lúc đó, ông N có dẫn ông Nguyễn N và ông T đến nhà ông X để hỏi việc xây dựng lò gạch, gia đình ông X đồng ý cho xây dựng lò gạch (chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ). Trong quá trình kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X cũng như từ trước đến nay không phát sinh tranh chấp. Việc ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X gia đình ông X không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày:

Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² tại thôn K 1, xã Đ, huyện H được UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X có nguồn gốc của ông Trần Ng (đã chết) khai hoang và sử dụng. Năm 1989 ông Ng chết, không để lại giấy tờ thì đất này ông Trần N quản lý, sử dụng trồng bạch đàn, keo. Còn hộ ông Trần X không trực tiếp sử dụng đất nhưng đã tự ý đăng ký, kê khai để được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông X, gia đình ông không biết. Tuy nhiên, diện tích đất UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Trần X có một phần đất của ông, được mua lại của ông Nguyễn Đ nhưng không có giấy tờ, không nhớ thời điểm mua, giá tiền mua và diện tích mua. Hiện nay, gia đình ông đang trồng keo trên đất nhưng chưa làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Giới cận thửa đất của ông

như sau: Nam giáp đất Trần D, Tây giáp Quốc lộ 624, Đông giáp ruộng, Bắc giáp đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông X. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Luật sư Nguyễn Đăng P yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 của UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần X tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 của UBND huyện H cấp cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Riêng người bị kiện vắng mặt trong các buổi giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² được các đương sự thừa nhận là của ông Trần Ng; chú ruột của ông Trần Văn H, Trần X và Trần N nhưng không đăng ký kê khai; đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Tố tụng Hành chính.

Năm 1993, ông Trần X đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với 06 thửa đất, trong đó có thửa 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.700m², có nguồn gốc ông bà lưu hạ. Tuy nhiên, khi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Trần Ng, ông Trần X không có tài liệu chứng cứ liên quan đến việc tặng cho, chuyển nhượng đất từ ông Ng. Do đó, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T), có nguồn gốc của ông Trần Ng đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn H, Trần N. Vì vậy, việc UBND huyện H cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT) cũng không đúng quy định. Đối với Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của UBND huyện H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy người khởi kiện không yêu cầu nhưng có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 993, tờ bản đồ số 10 cho ông Trần X tại số thứ tự 125 trong danh sách các cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo Quyết định 327QĐ/UB nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần Quyết định này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông

Trần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện là UBND huyện H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, anh Trần Văn T vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần X, chị Trần Thị Diễm M, bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Ngày 04/9/2019, ông Trần N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 của UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần X tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất ONT) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 của UBND huyện Nghĩa H cấp cho hộ ông Trần X tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT). Tại phiên tòa, ông Trần N thay đổi yêu cầu khởi kiện, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật Tố tụng Hành chính, yêu cầu của ông Trần N được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đều là quyết định hành chính bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

Theo Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của UBND huyện H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân có danh sách kèm theo, thì thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² được cấp Giấy chứng nhận cho ông Trần X tại số thứ tự 125 của danh sách. Tuy người khởi kiện không yêu cầu nhưng Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T) nên theo quy định của Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của Quyết định khi giải quyết vụ án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/8/2019, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện H có Văn bản số 230/CNNH về việc cung cấp thông tin hồ sơ địa chính cho ông Trần N. Tại thời điểm này, ông Trần N mới biết được UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T) cho hộ ông Trần X và Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT). Như vậy, đến ngày 04/9/2019, ông Trần N khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính. Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của UBND huyện H là căn cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T) nên cũng còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² nay là thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² được các bên đương sự thừa nhận là của ông Trần Ng (chú ruột của các ông Trần Văn H, Trần X, Trần N) khai hoang và quản lý, sử dụng nhưng chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Ông Trần Ng sống một mình, không có vợ con, đến năm 1989 ông Trần Ng chết không để lại di chúc hay giấy tờ gì đối với thửa đất này. Sau khi ông Ng chết, ông Trần N là người sử dụng đất để trồng cây bạch đàn, cây keo cho đến nay nhưng không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Trong quá trình ông Trần N sử dụng, trồng cây trên thửa đất, hộ ông Trần X biết nhưng không có ý kiến gì; kể cả việc ông Trần N nhận tiền cho ông Nguyễn N và ông Trương Phước T thuê đất để xây dựng lò gạch theo Đơn xin xây dựng lò gạch thủ công ngày 05/11/2003.

[2.2] Ngày 14/4/1993, ông Trần X có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m², về nguồn gốc thửa đất số 993 ông X khai “*ông bà lưu hạ*”. Ngày 19/5/1997, UBND huyện H ban hành Quyết định số 327QĐ/UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Trần X được cấp 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (loại đất T), số phát hành B862513, số vào sổ 00555 (hộ ông Trần X có thứ tự 125 trong Danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - BL 50). Đến ngày 30/6/2014, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ CH 05091 cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (loại đất ONT).

[2.3] Ông Trần X là người đăng ký, kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, sau đó cấp đổi lại vào năm 2014 nhưng thực tế gia đình ông không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất (BL 84, BL 93). Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D cũng thừa nhận từ trước đến nay gia đình bà không sử dụng thửa đất mà ông Trần N là người sử dụng trồng các loại cây trên đất. Lời khai của ông Trần X, bà Nguyễn Thị D cũng phù hợp với lời khai của ông Trần Văn H (BL 109), sau khi ông Ng chết vào năm 1989, ông Trần N là người trực tiếp sử dụng đất để trồng cây keo, bạch đàn. Do đó, việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² theo Quyết định 327QĐ/UB ngày

19/5/1997 của UBND huyện H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần X tại số thứ tự 125 và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần X, bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² là không đúng đối tượng sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Luật đất đai năm 1993; khoản 9 Điều 3, khoản 3 Điều 12, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D thừa nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp ngày 30/6/2014 cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² có chồng lên một phần diện tích đất của ông Trần Văn H nên diện tích tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997. Tuy nhiên, do ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần N về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 do UBND huyện H cấp ngày 19/5/1997 đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² (đất T) cho hộ ông Trần X và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ 05091 do UBND huyện H cấp cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D ngày 30/6/2014 tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT). Đồng thời, để giải quyết triệt để vụ án, Hội đồng xét xử thấy cần hủy một phần Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của UBND huyện H đối với nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần X tại số thứ tự 125 đối với thửa đất 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² trong Danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của UBND huyện H.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phù hợp với nhận định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần N (do ông Nguyễn Đăng P nộp thay) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002700, ngày 17/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 173; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 38 Luật đất đai năm 1993; khoản 9 Điều 3; khoản 3 Điều 12; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều

87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần N.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B862513, số vào sổ 00555 ngày 19/5/1997 tại phần thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m² được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Trần X.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 500701, số vào sổ 05091 ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần X và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 3479,2m² (đất ONT).

2. Hủy một phần Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của UBND huyện H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nội dung: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần X tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 10, diện tích 2700m², có số thứ tự 125 trong Danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo Quyết định số 327QĐ/UB ngày 19/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện H.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần N (do ông Nguyễn Đăng P nộp thay) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002700, ngày 17/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Châu Phạm Hoài Nam

Trần Mười